

Bản án số: 260/2024/HC-PT

Ngày: 18-7-2024

*V/v: “Khiếu kiện yêu cầu
tuyên bố hành vi hành chính trái
pháp luật”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông **Đinh Phước Hòa**

- Các Thẩm phán: ông **Lê Văn Thường**

ông **Trần Quốc Cường.**

- Thư ký phiên tòa: bà **Đoàn Thị Thu Hiền**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà **Bùi Ngô Ý Nhi** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 90/2024/TLPT-HC ngày 05 tháng 4 năm 2024 về “*Khiếu kiện yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính trái pháp luật*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 02 /2024/HC-ST ngày 23/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1214/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Phạm Thị Thu T, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số B B, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Chí T1, sinh năm 1979; Địa chỉ: K đường L, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng; Địa chỉ: Số D đường L, quận N, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức V - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND quận N, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: Đường H, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

2. Ông Đặng L, sinh năm: 1959; Địa chỉ: Số B B, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Chí T1, sinh năm 1979; Địa chỉ: K đường L, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

3. Ông Huỳnh Ngọc C và bà Nguyễn Thị Thu N; Địa chỉ: Số B đường V, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

4. Ông Nguyễn M và bà Đặng Thị Mỹ H. Địa chỉ: Số A T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại Đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, trình bày:***

Ngày 20/6/1997 ông Huỳnh Ngọc C và bà Nguyễn Thị N đã chuyển nhượng cho bà Phạm Thị Thu T 180m² đất thổ cư, vị trí: Đông giáp nhà ông bà H, T2 giáp nhà ông T3, Nam giáp đường đi A, Bắc giáp đất trống; phần đất này một phần trong thửa đất số 722, tờ bản đồ số 1079, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E882579 do UBND huyện H, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng (cũ) cấp ngày 26/4/1995, đứng tên hộ ông Huỳnh Ngọc C, Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng nhà, đất được UBND phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng xác nhận ngày 20/6/1997.

Do không am hiểu pháp luật nên bà T đã không hoàn thiện các thủ tục tiếp theo, một thời gian sau bà T muốn làm thủ tục về đất đai thì nghe thông tin khu vực sẽ bị giải tỏa để xây dựng sân golf VinaCapital nên không thể làm giấy tờ được. Bà T có liên hệ ông C khi nào giải tỏa đền bù thì gọi giúp để bà qua làm thủ tục khai báo đất đai, tuy nhiên ông C không hề liên lạc với bà.

Năm 2010, vì lý do sức khỏe nên bà T ủy quyền cho ông Phạm Doãn K liên hệ các cơ quan chức năng để xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình làm việc ông K được UBND phường H mời làm việc có lập biên bản ngày 21/4/2010 và UBND quận N làm việc có lập biên bản ngày 02/7/2015, tuy nhiên vẫn không có hướng giải quyết thỏa đáng mà chỉ lập biên bản để hòa giải, hướng dẫn các bên liên hệ Tòa án, trong khi việc quy chủ, ban hành quyết định thu hồi đất là nhiệm vụ, chức năng của cơ quan nhà nước.

Đến nay việc xem xét lại, giải quyết lại của các cấp chính quyền sau khi bà T rờn rã gửi đơn kiến nghị mà chỉ đưa ra hòa giải, đẩy trách nhiệm sang Tòa án, bà T mới biết quyền lợi của mình không được giải quyết, trong khi tất cả các hộ dân xung quanh khu đất của bà, đều mua đất của ông C với giấy tờ do phường xác nhận giống như trường hợp của tôi, nhưng đều đã nhận được quyết định thu hồi đất, đền bù và bố trí đất tái định cư, như hộ ông Hoàng Quốc T4, bà Đặng Thị Mỹ H. Tuy nhiên đến thời điểm này, mặc dù diện tích đất đã bị thu hồi và được sử dụng xây dựng sân golf nhưng bà T vẫn chưa nhận được quyết định thu hồi đất, chưa được đền bù, bố trí đất tái định cư như những hộ khác và giấy tờ chuyển nhượng đất của bà T giống như những hộ xung quanh. Việc hộ ông

Huỳnh Ngọc C chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc thửa đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 882579 cho các hộ ông T4, bà H và bà T cùng theo hình thức Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng nhà, đất được UBND phường H xác nhận, nhưng hộ ông C, ông T4 và bà H đều đã nhận được quyết định thu hồi đất, còn bà T thì chưa được nhận là không đảm bảo sự công bằng, nghiêm minh của pháp luật, UBND quận có thể kiểm tra lại ranh giới, diện tích thu hồi đất của các hộ trên để tìm ra có sự chồng lấn hay thiếu sót trong việc ra quyết định thu hồi đất. Theo quy định của pháp luật thì hồ sơ địa chính phải lưu trữ tại UBND phường H hoặc các cơ quan có thẩm quyền, vì vậy việc cho rằng bà T không cung cấp hồ sơ kịp thời để phục vụ việc thu hồi đất là không đúng pháp luật.

Đến nay bà T chưa nhận được quyết định thu hồi đất của UBND quận N đối với đất thổ cư của vợ chồng bà. Bà thủy làm đơn khiếu nại hành vi hành chính không ban hành quyết định thu hồi đất đối với diện tích 180m² đất thổ cư của vợ chồng bà là trong thời hiệu khiếu nại.

Theo Biên bản hướng dẫn xử lý đơn của Ban tiếp công dân thành phố Đà Nẵng ngày 15/10/2021; Ngày 18/10/2021 bà T gửi Đơn khiếu nại lần đầu đến Chủ tịch UBND quận N, khiếu nại hành vi hành chính không ban hành quyết định thu hồi đất của UBND quận N đối với thửa đất nói trên.

Ngày 11/11/2021 bà T nhận được Thông báo số 668/TB-UBND ngày 08/11/2021 của UBND quận N thông báo về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại của bà, vì lý do: Thời hiệu khiếu nại đã hết mà không có lý do chính đáng.

Việc UBND quận N cho rằng thời hiệu khiếu nại đã hết là không phù hợp, bởi việc ban hành quyết định thu hồi đất là trách nhiệm của UBND, người dân không thể biết và không có căn cứ để biết khi nào UBND ban hành quyết định. UBND quận căn cứ vào mốc thời gian nào để tính thời hiệu khiếu nại, đến nay gia đình bà T vẫn chưa nhận được quyết định thu hồi đất. Đến nay gia đình bà T mới nhận thấy rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình đã bị xâm hại nên làm đơn khiếu nại.

Ngày 18/11/2021 bà T gửi Đơn khiếu nại lần 2 đến Chủ tịch UBND thành phố Đ, nhưng được hướng dẫn khiếu nại hoặc khởi kiện theo Phiếu hướng dẫn số 312/BTCD ngày 06/4/2022 của Ban Tiếp công dân thành phố.

Nay bà Phạm Thị Thu T yêu cầu Tòa án buộc UBND quận N ban hành quyết định thu hồi đất đối với diện tích 180m² đất thổ cư của vợ chồng bà, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất, nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình bà.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Thu T yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét tính hợp pháp của Quyết định 629/QĐ-UBND ngày 06/02/2007 của UBND quận N về việc thu hồi đất của hộ ông Huỳnh Ngọc C, diện tích 1097,5m² và kiến nghị UBND quận N xem xét ban hành Quyết định thu hồi 180m² đất thổ cư của bà Phạm Thị Thu T5 đã nhận chuyển nhượng từ ông

Huỳnh Ngọc C, không yêu cầu Hội đồng xét xử phải tuyên hủy Quyết định 629/QĐ-UBND ngày 06/02/2007 của UBND quận N.

*** Trong quá trình tố tụng người bị kiện là Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng trình bày:**

Dự án đã hoàn thành quyết toán, Hội đồng giải phóng mặt bằng đã kết thúc công tác giải phóng mặt bằng. Qua sao lục hồ sơ, ông C và 02 hộ nhận chuyển nhượng tương tự hộ của ông L, bà T5 đã bàn giao và nhận đất tái định cư. Tại thời điểm thu hồi đất, bà T5 không có tại địa phương nên không đến làm việc. Về ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của ông L, bà T5 cho rằng cơ quan nhà nước có trách nhiệm theo dõi biến động quyền sử dụng đất, trong trường hợp này, ông L, bà T5 và ông C chỉ ký giấy tờ chuyển nhượng nhưng chưa hoàn thành thủ tục hành chính, chưa chỉnh lý biến động nên UBND quận không thể biết được. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn L1 là ông Nguyễn Chí T1 trình bày:**

Thông nhất với ý kiến của người khởi kiện.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND phường H, ông Huỳnh Ngọc C, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn M và bà Đặng Thị Mỹ H vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của người khởi kiện.*

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02 /2024/HC-ST ngày 23/01/2024, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

“Căn cứ vào quy định tại điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận Đơn khởi kiện của bà Phạm Thị Thu T.

Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thu T về việc yêu cầu tuyên bố hành vi không ban hành quyết định thu hồi diện tích 180m² đất thổ cư của UBND quận N, thành phố Đà Nẵng đối với vợ chồng ông Đặng L, bà Phạm Thị Thu T tại thửa đất số 722, tờ bản đồ số 17, thuộc xã H, huyện H, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng (cũ) trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 882579 do UBND huyện H cấp ngày 26/4/1995 cho hộ ông Huỳnh Ngọc C là trái pháp luật.”

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/02/2024, Bà Phạm Thị Thu T kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Chí T1-đại diện theo ủy quyền của bà T giữ yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, về trình tự, thủ tục giải quyết thì Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì bà T biết việc Ủy ban nhân dân quận N không thực hiện việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất đối với mình vào năm 2010 và 2015, nhưng đến năm 2022 mới làm đơn khởi kiện là hết thời hiệu, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà T là không đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T và hủy bản án hành chính sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, luật sư và các đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên đây là phiên tòa được mở lần 2 và người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều đã có ý kiến trình bày trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của những đương sự nêu trên không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những đương sự trên.

[2] Bà Phạm Thị Thu T khởi kiện cho rằng bà đã nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông Huỳnh Ngọc C và bà Nguyễn Thị N 180m² đất thổ cư vào năm 1997. Ủy ban nhân dân quận N ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đối với ông Huỳnh Ngọc C (trong đó có 180m² đất của bà T đã nhận chuyển nhượng), nhưng không ban hành quyết định thu hồi đất đối với diện tích 180m² đất thổ cư tại thửa đất số 722, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại xã H, huyện H, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng (cũ) trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 882579 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 26/4/1995 cho hộ ông Huỳnh Ngọc C là trái pháp luật.

Thấy: Ngày 06/02/2007, Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định số 629/QĐ-UBND để thu hồi 1.097,5m² đất của hộ ông Huỳnh Ngọc C, trong đó có 180m² mà bà T cho rằng đã nhận chuyển nhượng từ ông Huỳnh Ngọc C vào năm 1997.

Sau khi biết sự việc thửa đất bị thu hồi để thực hiện dự án xây dựng sân golf VinaCapital, ông Phạm Doãn K-đại diện theo ủy quyền của bà T đã khiếu nại đối với ông Huỳnh Ngọc C đến Ủy ban nhân dân phường H.

Ngày 21/4/2010, Ủy ban nhân dân phường H có lập “*Biên bản giải quyết đơn khiếu nại*”, với nội dung “*Ông Huỳnh Văn M1 thông qua đơn khiếu nại do người được ủy quyền là ông Phạm Doãn K đứng đơn, nội dung trước đây có nhận chuyển nhượng 1 phần diện tích đất của ông Huỳnh Ngọc C tại Tờ E A, phường H. Phần diện tích đất này hiện nay đã thuộc dự án sân golf, nhưng cho*

đến nay bà Phạm Thị Thu T không nhận được thông tin gì về giải tỏa đền bù, không nhận đền bù về đất và đất tái định cư như theo quy định của pháp luật...ông Huỳnh Ngọc C: Trước đây có chuyển nhượng cho ông M (không rõ họ) một phần diện tích đất với cự ly chiều ngang 15m, chiều dài hết đất theo sơ đồ. Sau đó, ông M có nhờ tôi ký lại hồ sơ chuyển nhượng cho bà Phạm Thị Thu T, nhưng việc đền bù hỗ trợ cho phần diện tích đất này tôi không biết” (BL 14)

Ông Phạm Doãn K - đại diện theo ủy quyền của bà T tiếp tục có đơn khiếu nại.

Ngày 22/7/2015, Ủy ban nhân dân quận N ban hành Báo cáo số 294/BC-UBND về việc giải quyết đơn kiến nghị của ông Phạm Doãn K, có nội dung:

“Ủy ban nhân dân quận N nhận được Công văn số 111/VP-ĐN ngày 03/6/2015 của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND thành phố Đ về việc đề nghị giải quyết đơn của hộ ông Phạm Doãn K (trú tại lô 33-B2.3 khu tái định cư C, phường M), kiến nghị liên quan đến việc bồi thường thiệt hại về đất và bố trí tái định cư đối với thửa đất số 722, diện tích 180m², GCN QSDĐ số E882597 đứng tên hộ ông Huỳnh Ngọc C và bà Nguyễn Thị N1 thuộc diện giải tỏa dự án sân golf H1.

...

Do vậy, buổi họp thống nhất nội dung hướng dẫn các hộ Huỳnh Ngọc C, Đặng Thị Mỹ H và hộ ông Phạm Doãn K liên hệ tại Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn để được giải quyết theo đúng thẩm quyền” (bl 349)

Tại phiên tòa ngày 18/5/2023, ông Nguyễn Chí T1-đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Thu T xác nhận bà T đã có khiếu nại về việc đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông C, bà N nhưng không nhận được thông tin gì về việc giải tỏa đền bù và không nhận được đền bù về quyền sử dụng đất và bố trí tái định cư. (bl 256)

Như vậy, bà T biết việc Ủy ban nhân dân quận N không ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với 180m² (mà bà T cho rằng là của gia đình mình) vào năm 2015.

Ngày 18/10/2021, bà Phạm Thị Thu T tiếp tục có đơn khiếu nại hành vi không ban hành Quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân quận N.

Ngày 08/11/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N có Thông báo số 668/TB-UBND về việc không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại, có nội dung: “Sau khi xem xét nội dung đơn khiếu nại, căn cứ Điều 11 của Luật Khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011, UBND quận nhận thấy đơn khiếu nại của ông Đặng L2 và bà Phạm Thị Thu T không đủ điều kiện để thụ lý giải quyết vì lý do sau đây: thời hiện khiếu nại đã hết mà không có lý do chính đáng”. Căn cứ vào Điều 3 Luật tố tụng hành chính thì Thông báo số 668/TB-UBND ngày 08/11/2021 của Chủ tịch UBND quận N không phải quyết định hành chính bị kiện.

Tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính quy định về thời hiệu khởi kiện

“2. Thời hiệu khởi kiện đối với từng trường hợp được quy định như sau:

a) 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc”.

Bà Phạm Thị Thu T biết việc Ủy ban nhân dân quận N không ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với 180m² (bà T cho rằng là của mình, nhận chuyển nhượng từ ông Huỳnh Ngọc C vào năm 1997) từ năm 2010 và 2015, nhưng đến ngày 20/4/2022 bà Phạm Thị Thu T mới có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng buộc Ủy ban nhân dân quận N ban hành quyết định thu hồi đất đối với diện tích 180m² đất thổ cư. Bà T cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện việc đến năm 2022 mới khởi kiện vụ án hành chính thuộc trường hợp sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác.

Đối chiếu quy định trên, thì Đơn khởi kiện của bà Phạm Thị Thu T thuộc trường hợp hết thời hiệu khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là không đúng quy định mà cần áp dụng Điều 143 Luật tố tụng hành chính để đình chỉ giải quyết vụ án.

[3] Bà Phạm Thị Thu Thủy cung c tài liệu chứng cứ là “*Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng nhà đất*” đề ngày 18/6/1997 với nội dung ông Huỳnh Ngọc C chuyển nhượng 180m² cho bà Phạm Thị Thu T.

Tuy nhiên sau khi nhận chuyển nhượng, bà T không sử dụng đất, không làm thủ tục đăng ký vào hồ sơ địa chính tại Ủy ban nhân dân phường H, cũng như thực hiện nghĩa vụ của người có quyền sử dụng đất đối với Nhà nước.

Do đó, thửa đất 180m² này vẫn nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông Huỳnh Ngọc C, Ủy ban nhân dân quận N không thể biết khi ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án.

Quá trình giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Thu T thì giữa ông Huỳnh Ngọc C và bà T không thể thỏa thuận được với nhau. Ông C thừa nhận có chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông M, sau đó ông M nhờ ký lại giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà T.

Quá trình Nhà nước thu hồi đất thì ông Huỳnh Ngọc C không kê khai cụ thể, chính xác việc đã chuyển nhượng đất cho bà T.

Do đó, chưa đủ cơ sở xác định giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/6/1997 giữa ông Huỳnh Ngọc C và bà Phạm Thị Thu T có hiệu lực pháp luật hay không, để từ đó xác định bà T có quyền lợi hợp pháp đối với 180m² đất đã bị Nhà nước thu hồi. Hiện nay, ông C đã nhận bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất 180m² này nên bà T có quyền khởi kiện vụ án dân sự yêu cầu ông C trả lại quyền lợi đã nhận khi Nhà nước thu hồi đất.

Quyết định số 629/QĐ-UBND ngày 06/02/2007 của Ủy ban nhân dân quận N về việc thu hồi đất của ông Huỳnh Ngọc C (trong đó có 180m² đất mà bà T cho rằng của mình) nhưng tại phiên tòa ngày 23/01/2024, ông Nguyễn Chí T1-đại

diện theo ủy quyền của bà T đề nghị HĐXX xem xét tình hợp pháp của Quyết định số 629/QĐ-UBND nhưng “*không yêu cầu Hội đồng xét xử phải tuyên hủy Quyết định 629/QĐ-UBND ngày 06/02/2007 của UBND quận N*”. Nếu không hủy Quyết định số 629/QĐ-UBND thì bà T không có quyền yêu cầu Ủy ban nhân dân quận N phải ban hành thêm quyết định thu hồi đất mới cho gia đình mình vì lúc đó sẽ xảy ra trường hợp một thửa đất (180m² đất) bị thu hồi 2 lần.

Như vậy tại thời điểm khởi kiện vụ án hành chính thì bà T chưa đủ căn cứ để xác định quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 123 Luật tổ tụng hành chính thì đơn khởi kiện của bà T thuộc trường hợp phải trả lại đơn khởi kiện vì người khởi kiện không có quyền khởi kiện.

[4] Với những căn cứ đã phân tích ở trên, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu T6 là không đúng quy định pháp luật.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ bà T6 có khởi kiện đối với Quyết định số 629/QĐ-UBND ngày 06/02/2007 của Ủy ban nhân dân quận N không, từ đó mới xem xét đánh giá tính hợp pháp của quyết định này. Trong trường hợp không có yêu cầu khởi kiện nhưng tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T6 và buộc Ủy ban nhân dân quận N phải ban hành quyết định thu hồi đất thì để giải quyết triệt để vụ án thì Tòa án cần phải hủy một phần Quyết định số 629/QĐ-UBND đối với diện tích 180m². Tuy nhiên trong vụ án này Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thu T nên không phải xem xét đối với Quyết định số 629/QĐ-UBND. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà T chỉ đề nghị xem xét và không hủy Quyết định số 629/QĐ-UBND, dẫn đến phần nhận định có xác định Quyết định số 629 là đúng quy định pháp luật nhưng phần quyết định không đề cập tới Quyết định số 629/QĐ-UBND là bỏ sót yêu cầu khởi kiện.

[6] Về án phí: Bà Phạm Thị Thu T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm vì thuộc trường hợp là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 241; khoản 1 Điều 143; khoản 1 Điều 123 Luật tổ tụng hành chính.

1. Hủy bản án hành chính sơ thẩm số 02/2024/HC-ST ngày 23/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

2. Đình chỉ giải quyết vụ án hành chính giữa người khởi kiện bà Phạm Thị Thu T và người bị kiện Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng.

Áp dụng khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

3. Về án phí hành chính phúc thẩm:

Bà Phạm Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Xác nhận bà Phạm Thị Thu T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo Biên lai số 0001379 ngày 0/02/2024 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đình Phước Hòa